

TỜ TRÌNH

**Về việc xin ý kiến đối với tổng nhu cầu kinh phí triển khai Đề án
tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi giai đoạn 2021 - 2025**

Kính gửi: Thường trực Huyện uỷ.

Căn cứ Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội khoá XIV về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Nghị quyết 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội khoá XIV về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội khoá XIV về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Miền núi giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ công văn số 2254/UBND-TH ngày 17/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc triển khai Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 trên địa bàn tỉnh; Công văn số 596/BDT-CSDT ngày 24/7/2020 của Ban Dân tộc tỉnh về việc lập nhu cầu kinh phí để triển khai Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030;

Thực hiện Công văn số 381/UBND-TH ngày 08 tháng 2 năm 2021 của ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát, tổng hợp số liệu triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp số liệu, nhu cầu kinh phí để triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Phù Yên theo yêu cầu của UBND tỉnh như sau:

KẾT QUẢ RÀ SOÁT THEO GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

Tổng nhu cầu kinh phí: 1.833.937,5 triệu đồng (một nghìn tám trăm ba mươi ba tỷ, chín trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

* *Giải quyết nhu cầu cấp thiết của các hộ dân trong giai đoạn 2021-2025, trong đó:*

- Giải quyết đất ở cho **500 hộ**;
- Giải quyết nhà ở cho **1.500 hộ**;
- Hỗ trợ đất sản xuất cho **900 hộ**;
- Hỗ trợ vay vốn: **450 hộ**;
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho **450 hộ**;
- Hỗ trợ vay vốn cho **225 hộ**;
- Giải quyết nước sinh hoạt phân tán cho **5.000 hộ**;
- Giải quyết nước sinh hoạt tập trung là **52 công trình**;
- **Địa điểm đầu tư: 23 xã** (trong đó 16 xã vùng III, 7 xã vùng I, II có bản đặc biệt khó khăn).

- **Kinh phí cần đầu tư dự án 1 trong giai đoạn 2021- 2025: 413.125 triệu đồng.** Trong đó

- + Vốn đầu tư ngân sách Trung ương: **171.000** triệu đồng
- + Vốn đầu tư ngân sách Địa phương: **8.000** triệu đồng
- + Vốn sự nghiệp: **104.750** triệu đồng
- + Vốn tín dụng: **107.375** triệu đồng
- + Vốn huy động khác: **22.000** triệu đồng

(có phụ biểu chi tiết 1.2 kèm theo)

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

- Bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK, vùng biên giới và những nơi cần thiết cho **350 hộ**.

- **Địa điểm đầu tư:** 16 xã vùng III, 14 bản đặc biệt khó khăn xã KV I, II

- **Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 – 2025: 105.000 triệu đồng.** Trong đó

- + Vốn đầu tư: **100.500** triệu đồng
- + Vốn huy động khác: **4.500** triệu đồng

(có phụ biểu chi tiết 1.3 kèm theo)

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị.

a) **Tiểu dự án 1:** Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- Hỗ trợ phát triển kinh tế lâm nghiệp: **5000 ha**
- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp cho **4.077 hộ**
- **Địa điểm đầu tư:** Các bản đặc biệt khó khăn
- **Kinh phí hỗ trợ giai đoạn 2021 – 2025: 190.770 triệu đồng.** Trong đó
- + Vốn sự nghiệp: **181.232 triệu đồng**
- + Vốn huy động khác: **9.539 triệu đồng**

b) **Tiểu dự án 2:** Đầu tư, phát triển các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

** Đầu tư, phát triển các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị, trong đó:*

- Hỗ trợ đầu tư xã ĐBKK là **16 xã**
- Hỗ trợ chăn nuôi bò thịt cho **23 xã**
- Hỗ trợ chăn nuôi gia cầm cho **23 xã**

** Phát triển vùng trồng dược liệu quý phù hợp vùng đồng bào DTTS và MN, trong đó:*

- Hỗ trợ đầu tư cải tạo đất: **500 ha**
- Hỗ trợ xây dựng CSHT: **5 dự án**
- Hỗ trợ cây giống và kỹ thuật: **5 dự án**
- Hỗ trợ đào tạo nghề theo DA: **5 dự án**
- Hỗ trợ sản xuất kinh doanh theo chuỗi/ Ứng dụng CN cao: **100 ha**

** Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó:*

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp: **23 mô hình**
- Hỗ trợ tổ chức Hội chợ xúc tiến thương mại: **5 hội chợ**
- Hỗ trợ Quảng bá, thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **5 mô hình.**

- **Kinh phí hỗ trợ tiểu dự án 2 giai đoạn 2021 – 2025: 184.500 triệu đồng.** Trong đó

- + Vốn sự nghiệp: **175.275 triệu đồng**
- + Vốn huy động khác: **9.225 triệu đồng**

c) **Tiểu dự án 3:** Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng dân tộc thiểu số và miền núi. **(Không có đề xuất)**

(có phụ biểu chi tiết 1.4 kèm theo)

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và Miền núi.

- Đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng: **89 công trình**
- Duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng: **207 công trình**
- Đầu tư cứng hóa đường tới trung tâm xã, bản: **221 km**
- Đầu tư xây dựng các công trình lương dụng phục vụ phát triển sản xuất gắn với nhiệm vụ quốc phòng khi có yêu cầu (Bộ Quốc phòng): **5 công trình**
- **Địa điểm đầu tư:** 16 xã vùng III, 14 bản đặc biệt khó khăn xã KV I, II
- **Kinh phí đầu tư dự án 4 giai đoạn 2021 – 2025: 439.200 triệu đồng.**

Trong đó

- + Vốn đầu tư: **417.240** triệu đồng
- + Vốn huy động khác: **21.960** triệu đồng

(có phụ biểu chi tiết 1.5 kèm theo)

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

a) **Tiểu dự án 1:** Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xoá mù chữ cho người vùng đồng bào dân tộc thiểu số

** Khối phòng/công trình phục vụ nội trú; trong đó*

- Xây mới phòng công vụ cho giáo viên (GV): **10 phòng**
- Xây mới phòng ở nội trú học sinh bán trú (HSBT): **48 phòng**
- Xây mới nhà ăn+nhà bếp: **2 phòng**
- Xây nhà kho chứa lương thực: **2 phòng**
- Xây công trình vệ sinh, nước sạch: **2 công trình**

** Khối phòng phục vụ học tập và các công trình phụ trợ khác, trong đó*

- Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa dân tộc: **1 nhà**
- Phòng học thông thường, bộ môn: **6 phòng**
- Các công trình phụ trợ khác: **12 công trình**

** Các hoạt động nâng cao chất lượng dạy và học, trong đó:*

- Biên soạn tài liệu và cấp phát miễn phí cho các trường PTDTBT: **10 tài liệu;**

- Biên soạn học liệu và cấp phát miễn phí cho các trường PTDTBT: **10 tài liệu;**

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho CBQL, GV trường PTDTBT: **10 lớp**

* *Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS, trong đó:*

- Bồi dưỡng, tập huấn cho GV dạy lớp xóa mù chữ: **52 lớp**

- Truyền thông, tuyên truyền: **52 buổi**

- Tổ chức dạy học XMC: **52 lớp**

- Hỗ trợ người dân tham gia học: **2.600 người**

- Tài liệu, Sách giáo khoa, Văn phòng phẩm: **2.600 bộ**

- **Địa điểm thực hiện:** Trường PTDTNT, trường PTDTBT và các điểm có người dân tộc thiểu số chưa biết chữ.

- **Kinh phí cho tiểu dự án 1 giai đoạn 2021 – 2025: 110.960** triệu đồng.
Trong đó

+ Vốn đầu tư: **105.412** triệu đồng

+ Vốn huy động khác: **5.548** triệu đồng

(có phụ biểu chi tiết 1.6A kèm theo)

b) **Tiểu dự án 2:** Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ triển khai chương trình ở các cấp.

* *Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, trong đó:*

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: **5 lớp**

- Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số: **5 lớp**

- Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: **554 người**

- Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: **23 xã và 73 bản**

- **Kinh phí đầu tư tiểu dự án 2 giai đoạn 2021-2025: 39.862,5** triệu đồng.
Trong đó

+ Vốn sự nghiệp: **39.522** triệu đồng

+ Vốn huy động khác: **340,6** triệu đồng

(có phụ biểu chi tiết 1.6 kèm theo)

c) **Tiểu dự án 3:** Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi. (Không có đề xuất)

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

- Khôi phục, bảo tồn phát huy bản sắc văn hoá truyền thống: **5 dân tộc Thái, Mường, Mông, Dao**

- Bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch: **5 lễ hội**

- Mở lớp truyền dạy văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số có nguy cơ bị mai một (cho đối tượng không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước): **80 lớp**

- Hỗ trợ chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một (Các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống): **50 Chương trình**

- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các dân tộc thiểu số, mô hình bảo tồn văn hóa phi vật thể truyền thống các dân tộc thiểu số; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng): **60 mô hình**

- Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư. **100 câu lạc bộ**

- Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **120 đội văn nghệ**

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **20 điểm du lịch**

- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số (10 bộ ấn phẩm/năm): **5 bộ ấn phẩm**

- Hỗ trợ chương trình tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **50 Chương trình**

- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản, truyền thống tiêu biểu để khai thác, xây dựng sản phẩm văn hóa đặc trưng phục vụ phát triển du lịch: **2 bản**

- Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số: **23 xã**

- Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch: **1 bảo tàng**

- **Kinh phí giai đoạn 2021 – 2025: 277.190** triệu đồng. Trong đó
- + **Vốn sự nghiệp: 263.331** triệu đồng
- + **Vốn huy động khác: 13.860** triệu đồng

(có phụ biểu chi tiết 1.7 kèm theo)

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em giai đoạn 2021 – 2025.

a) **Hợp phần 1:** Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

* *Đầu tư phát triển YTCS vùng ĐB DTTS, trong đó:*

- Đầu tư xây mới TYT xã: **3 Trạm y tế**
- Cải tạo, sửa chữa cho TYT xã: **5 Trạm y tế**
- Đầu tư cải tạo, sửa chữa TTYT huyện: **1 TTYT**
- Bổ sung trang thiết bị y tế, túi truyền thông cho các TYT xã: **23 xã**

* *Đào tạo và phát triển nhân lực y tế cơ sở*

- Đào tạo y học gia đình cho nhân viên TYT xã: **23 xã**

* *Chi phụ cấp hỗ trợ cho cán bộ y tế thực hiện tiêm chủng ngoại trạm (không bao gồm thù lao công tiêm): 46 người của 23 xã*

* *Chi thù lao cho ô đờ thôn bản: 119 người*

b) **Hợp phần 2:** Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: (Không có dự án)

c) **Hợp phần 3:** Chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ-trẻ em nhằm nâng cao tâm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số: (Không có dự án)

Tổng nhu cầu kinh phí cả giai đoạn 2021-2025: 40.632 triệu đồng. Trong đó

- + **Vốn đầu tư: 38.730** triệu đồng
- + **Vốn huy động khác: 1.902** triệu đồng

(có phụ biểu chi tiết 1.8A kèm theo)

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

a) **Nội dung 1:** Nâng cao kiến thức, kỹ năng, năng lực về giới, thúc đẩy bình đẳng giới và các kiến thức, kỹ năng hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội cấp thiết cho cán bộ, phụ nữ, nam giới và cộng đồng vùng DTTS và MN

* *Tổ chức các lớp tập huấn, trong đó:*

- Tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức kỹ năng/chuyên giao Khoa học kỹ thuật/xây dựng cộng đồng phát triển bền vững có sự tham gia của phụ nữ: **10 lớp**

- Tập huấn cho cán bộ kiến thức giới, LGG, hướng dẫn sử dụng sổ tay LGG, sổ tay kiểm tra, đánh giá thực hiện BĐG trong các tiêu dự án của Chương trình: **10 lớp**

- Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ cấp xã: **10 lớp**

- Tập huấn cho các cấp hội Phụ nữ về chính sách: **02 lớp**

- Tập huấn kiến thức, kỹ năng làm mẹ an toàn: **100 người**

* *Tổ chức các hoạt động truyền thông tại xã: 23 cuộc*

b) **Nội dung 2:** Xây dựng các mô hình nhằm thay đổi cách nghĩ, nếp làm trong đồng bào DTTS (theo phương thức hướng dẫn, cầm tay chỉ việc, phát huy nguồn lực xã hội hóa, nguồn lực trong chị em có sự hỗ trợ của nhà nước):

- Thành lập mô hình tiết kiệm tự giúp nhau cùng thay đổi: **119 mô hình**

- thành lập Câu lạc bộ vì tương lai tươi sáng cùng em tự tin vững bước: **23**

Câu lạc bộ

c) **Nội dung 3.** Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong tự quản và phát triển cộng đồng:

- Đối thoại chính sách theo định kỳ: **23 cuộc**

- Tư vấn pháp luật lưu động: **23 cuộc**

- Hội nghị sơ kết, biểu dương giai đoạn 2021 – 2025: **01 Hội nghị**

- **Kinh phí giai đoạn 2021 – 2025: 32.298 triệu đồng.**

(có phụ biểu chi tiết 1.9A kèm theo)

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn. Không có

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS, Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình.

a) **Tiểu dự án 1:** Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

* *Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào, trong đó:*

- Đẩy mạnh phổ biến giáo dục Pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào DTTS: **20 Hội nghị**

- Địa điểm thực hiện: 16 xã vùng III, các bản thuộc xã KV I, II có đồng bào DTTS đang sinh sống.

b) **Tiểu dự án 2:** Thành lập và tổ chức hoạt động Quỹ từ thiện đồng hành với đồng bào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: không có dự án

c) **Tiểu dự án 3:** Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình: không có dự án

- Kinh phí giai đoạn 2021 – 2025: 400 triệu đồng

(có phụ biểu chi tiết 1.11 kèm theo)

Để thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách và đảm bảo tính khả thi triển khai thực hiện. Ủy ban nhân dân huyện kính trình Thường trực Huyện ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo, thống nhất chủ trương về số liệu các Dự án, tiểu dự án giai đoạn 2021 – 2025 để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Thường trực Huyện ủy xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VP.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đào Văn Nguyên



Dự án 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án, tiểu dự án	Đơn vị tính	Cần phải đầu tư giai đoạn 2021-2025	Định mức hỗ trợ/đầu tư (triệu đồng)	Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2025	Phân bổ nguồn vốn					Phương pháp tính		
						Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương		Vốn tín dụng		Vốn huy động khác	
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				
	Tổng cộng				413.125	171.000	104.750	8.000		107.375	22.000		
1	Đất ở	hộ	500	80	40.000		20.000	2.000		12.500	5.500	Số hộ x 80 triệu đồng/hộ; Trong đó: 40 triệu NSTW, 4 triệu NSDP, 25 triệu vay; vốn NHCSXH và 11 triệu huy động từ công đồng	
2	Nhà ở	hộ	1.500	80	120.000		60.000	6.000		37.500	16.500	Số hộ x 80 triệu đồng/hộ; Trong đó: 40 triệu NSTW, 4 triệu NSDP, 25 triệu vay; vốn NHCSXH và 11 triệu huy động từ công đồng	
3	Đất sản xuất	Tổng cộng	hộ	900		55.125		20.250				0	Hỗ trợ đất sản xuất: Số hộ x 22,5 triệu/hộ vốn hỗ trợ và 1/3 số hộ x 77,5 triệu đồng vốn vay;
		hỗ trợ	hộ	900	22,5	20.250		20.250,00					
		vay vốn	hộ	450	77,5	34.875					34.875		
4	Chuyển đổi nghề	Tổng cộng		450		27.000		4.500				0	Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Số hộ x 10 triệu/hộ vốn hỗ trợ và 1/3 số hộ x 100 triệu vốn vay
		hỗ trợ	hộ	450	10	4.500		4.500					
		vay vốn	hộ	225	100	22.500					22.500		
5	Nước sinh hoạt	Tổng cộng				171.000	171.000					0	Nước sinh hoạt phân tán 3 tr/hộ; Nước sinh hoạt tập trung: 1343 công trình x 3 tỷ/công trình
		Phân tán	hộ	5.000	3	15.000		15.000					
		Tập trung	công trình	52	3.000	156.000		156.000					



PHỤ LỤC BIỂU 1.3: TÍNH TOÁN KINH PHÍ CHI TIẾT

Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Dự án, tiểu dự án	Đơn vị tính	Cán phải đầu tư giai đoạn 2021-2025	Định mức hỗ trợ/đầu tư	Tổng vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó				Vốn tín dụng	Vốn huy động khác	Ghi chú
						Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương				
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			
	Tổng		350		105	100,5					4,5	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	hộ	300	0,3	90	85,5	-	-	-	-		
2.1	Tiểu dự án 1: Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó	hộ	300	0,3	90	85,5	-	-	-	-		
	Bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do	hộ										
	Bố trí ổn định du canh, du cư cho hộ DTTS	hộ	50	0,3	15	15						
	Bố trí ổn định dân cư vùng ĐBKK, vùng biên giới và những nơi cần thiết	hộ	300	0,3	90	85,5					4,5	
2.2	Tiểu dự án 2: Bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư vùng thiên tai: dân											
	Bố trí dân cư vùng thiên tai											
	Bố trí dân cư khu rừng đặc dụng											

GĐ 2021-2025 hoàn thành 50% công tác ĐCĐC và di cư tự do, còn lại tổng hợp từ nhu cầu của địa phương (số liệu Bộ NN&PTNT cung cấp)



PHỤ LỤC BIỂU 1.4: TÍNH TOÁN KINH PHÍ CHI TIẾT

Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

TT	Dự án, tiểu dự án	Đơn vị tính	Cần phải đầu tư giai đoạn 2021-2025	Định mức hỗ trợ/dầu tư (triệu đồng)	Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2025	Trong đó				Ghi chú		
						Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương			Vốn tín dụng	Vốn huy động khác
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			
	TỔNG NHU CẦU VỐN				375.270		356.507			18.764		
1	Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân				190.770		181.232			9.539		
1.1	Phát triển kinh tế lâm nghiệp	ha	5000	30	150.000		142.500			7.500		
1.2	Phát triển sản xuất nông nghiệp	hộ	4.077	10	40.770		40.770					
2	Tiểu Dự án 2: Đầu tư, phát triển các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.				184.500		175.275			9.225		
a	Đầu tư, phát triển các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị				66.500		63.175			3.325		
-	Số xã DBKK dự kiến	xã	16	2.000	32.000		30.400			1.600		
-	Hỗ trợ chăn nuôi bò thịt		23	1000	23.000		21.850			1.150		
-	Hỗ trợ chăn nuôi gia cầm		23	500	11.500		10.925			575		



TT	Dự án, tiêu dự án	Đơn vị tính	Cần phải đầu tư giai đoạn 2021-2025	Định mức hỗ trợ/đầu tư (triệu đồng)	Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2025	Trong đó					Ghi chú	
						Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương		Vốn tín dụng		Vốn huy động khác
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			
b	Phát triển vùng trồng được liệu quý phù hợp vùng đồng bào DTTS và MN				82.500		78.375				4.125	
	Hỗ trợ đầu tư cải tạo đất	ha	500	50	25.000		23.750				1.250	
	Hỗ trợ xây dựng CSHT	Dự án	5	4.000	20.000		19.000				1.000	
	Hỗ trợ cây giống và kỹ thuật	Dự án	5	1.000	5.000		4.750				250	
	Hỗ trợ đào tạo nghề theo DA	Dự án	5	500	2.500		2.375				125	
	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh theo chuỗi/Ứng dụng CN cao	Ha	100	300	30.000		28.500				1.500	
	Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và Hỗ trợ khác (phát triển sản phẩm/hỗ trợ quảng cáo, bán hàng, tham gia hội chợ, triển lãm...)	Dự án										
c	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				35.500		33.725				1.775	
-	Hỗ trợ xây dựng 3.000 mô hình khởi nghiệp	mô hình	23	1.000	23.000		21.850				1.150	
-	Thành lập 10 trung tâm tư vấn ươm tạo DN	TT										
-	Tổ chức 100 Hội chợ xúc tiến thương mại	Hội chợ	5	2.000	10.000		9.500				500	
-	Quảng bá, thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	mô hình	5	500	2.500		2.375				125	
3.3	Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng dân tộc thiểu số và miền núi 320 xã (2021-2030)	Xã		500								



Dự án 4: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS & MN
(Ban hành kèm theo Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Dự án, tiểu dự án	Đơn vị tính	Số lượng	Đầu tư giai đoạn 2021-2025	Định mức hỗ trợ/đầu tư (triệu đồng)	Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2025	Trong đó				Ghi chú		
							Ngân sách trung ương		Ngân sách địa phương			Vốn tín dụng	Vốn huy động khác
							Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			
TỔNG NHU CẦU VỐN													
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu					439.200	417.240				21.960		
-	Đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng		89	89	2500	222.500	211.375				11.125		
-	Duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng		207	104	100	10.400	9.880				520		
-	Đầu tư cứng hóa đường tới trung tâm xã	km	221	118	1600	188.800	179.360				9.440		
-	Đầu tư xây dựng các công trình lưỡng dụng phục vụ phát triển sản xuất gắn với nhiệm vụ quốc phòng khi có yêu cầu (Bộ Quốc phòng)	Công trình	10	5	3500	17.500	16.625				875		
2	Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Đơn vị sự nghiệp											

Đam



PHỤ LỤC BIỂU 1.6: TÍNH TOÁN KINH PHÍ CHI TIẾT
Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Ban hành kèm theo Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án, tiểu dự án	Đơn vị tính	Cần phải đầu tư giai đoạn 2021-2025	Định mức hỗ trợ/đầu tư (triệu đồng)	Tổng vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó				Vốn tín dụng	Vốn huy động khác	Ghi chú
						Ngân sách trung ương		Ngân sách địa				
						Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			
	TỔNG CỘNG				39.862,5		39.522				340,6	
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.				39.862,5		39.522				340,6	
*	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc											
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Lớp	5	200	1.000		950				50	
-	Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Lớp	5	420	2.100		1.995				105	
*	Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học											
-	Đào tạo dự bị đại học	Học sinh	350	30	10.500		10.500					
-	Đào tạo đại học	Sinh viên	200	110	22.000		22.000					
-	Đào tạo thạc sĩ	Học viên	3	125	375		375					
-	Đào tạo tiến sĩ	Nghiên cứu sinh	1	175	175		175					
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp				3.712,5		3.526,9				185,6	
+	Xã	Xã	23	90	2.070		1.966,50				103,50	
+	Thôn	Thôn	73	22,5	1.642,5		1.560,38				82,13	
5,3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng dân tộc thiểu số và miền núi											